

TRI THỨC ĐỊA PHƯƠNG CỦA NGƯỜI MẠ TRONG KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN RỪNG

NGUYỄN ĐĂNG HIỆP PHỐ*

Tri thức địa phương của người Mạ trong khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên rừng có vai trò quan trọng trong đời sống của một cộng đồng cư dân lâu nay sinh sống gắn bó chủ yếu với núi rừng ở Nam Tây Nguyên - Đông Nam Bộ. Tri thức địa phương thể hiện trình độ nhận thức và khả năng thích ứng của người Mạ với thiên nhiên khi chưa tiếp cận với khoa học kỹ thuật. Bên cạnh đó, tri thức địa phương của người Mạ còn thể hiện ở mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng trong không gian sinh tồn tự nhiên ở vùng đất này.

Từ khóa: tri thức địa phương, tài nguyên rừng, người Mạ, Nam Tây Nguyên - Đông Nam Bộ

Nhận bài ngày: 6/2/2017; *đưa vào biên tập:* 15/2/2017; *phản biện:* 25/2/2016; *duyet đăng:* 4/9/2017

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tri thức địa phương hay còn gọi là tri thức bản địa, tri thức dân gian, tri thức truyền thống, tri thức của người nông thôn, đã được đề cập đến trong khá nhiều nghiên cứu từ thập kỷ 1990, khi suy thoái môi trường trở thành những thách thức cho sự phát triển (Nguyễn Xuân Hồng 2003, Trần Hồng Hạnh 2005, Bùi Hoài Sơn 2009, Nguyễn Thu Hà 2009, Pam McElwee 2010, Ngô Văn Lệ 2012, Ngô Văn Lệ - Huỳnh Ngọc Thu - Ngô Phương Lan 2016). Tri thức địa phương được coi là nền tảng cơ bản cho việc thiết lập các quyết định liên quan đến địa phương trên mọi lĩnh vực của cuộc sống, bao gồm: gìn giữ các nguồn tài

nguyên thiên nhiên, dinh dưỡng, thức ăn, y tế, giáo dục, hoạt động xã hội và cộng đồng. Hệ thống tri thức này còn đưa ra các chiến lược để giải quyết các vấn đề đặt ra cho cộng đồng dân cư địa phương.

Người Mạ sinh tụ ở miền núi Nam Tây Nguyên - Đông Nam Bộ và cư trú tập trung tại các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Nông và Đồng Nai. Họ sinh sống gắn bó với núi rừng và nhờ vào núi rừng là chính để mưu sinh. Vì thế, người Mạ đã tích lũy được nhiều tri thức, kinh nghiệm trong khai thác, sử dụng và bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên của núi rừng. Tuy nhiên, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa diễn ra mạnh mẽ với qui mô ngày càng mở rộng ở miền núi Nam Tây Nguyên - Đông Nam Bộ trong nhiều

* Trường Đại học Đồng Nai.

thập kỷ qua, đặc biệt là dân số gia tăng, đã làm cho diện tích rừng bị thu hẹp, môi trường rừng bị xâm hại, suy thoái. Vì vậy, kho tàng tri thức địa phương trong khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên rừng - một thành tố quan trọng trong văn hóa của người Mạ cũng mai một dần.

Bài viết này góp phần nhận diện và lý giải những tri thức địa phương của người Mạ trong việc khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên rừng và nguồn nước dưới góc nhìn của ngành dân tộc học/nhân học.

Bài viết là kết quả nghiên cứu của luận án *Sinh kế của người Mạ ở Vườn Quốc gia Cát Tiên*, dựa trên các dữ liệu điền dã từ tháng 4/2015 đến tháng 12/2016.

2. TRI THỨC ĐỊA PHƯƠNG CỦA NGƯỜI MẠ TRONG VIỆC KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG CÁC NGUỒN TÀI NGUYÊN RỪNG

Người Mạ cũng như các tộc người thiểu số khác ở miền núi Nam Tây Nguyên - Đông Nam Bộ, ngoài canh tác nương rẫy trồng lúa và hoa màu (bầu bí, mướp, khoai mì, khoai lang...), họ còn tìm kiếm thức ăn, đồ uống và các loại nguyên vật liệu cần thiết cho sản xuất và sinh hoạt hàng ngày bằng phương thức hái lượm, săn bắt các loài thực động vật của rừng.

2.1. Tri thức trong hái lượm, chế biến đồ ăn, thức uống từ thực vật của rừng

Ở miền núi Nam Tây Nguyên - Đông Nam Bộ, các loại thực vật như lá bép,

măng, đọt mây, nấm, khoai mài, củ chup... lúc nào cũng có sẵn trong rừng. Các loại rau củ này là sự bổ sung quan trọng vào bữa ăn hàng ngày của các cộng đồng tộc người thiểu số tại chỗ (Mạ, Cơ Ho, Mnông, Xtiêng, Chơro) và một phần còn được dùng để trao đổi, buôn bán ở các chợ tại địa phương.

Lá bép là thức ăn quen thuộc lâu nay của người Mạ dùng chế biến món canh bời và món nướng. Nướng lá bép bằng cách nhúng lá này vào nước, vẩy nhẹ cho khô ráo, rồi xếp chồng chúng vào trong lớp lá chuối, bó lại vuông vức, kẹp vào nẹp tre và đem nướng trên bếp than lửa hồng. Khi chín, lá bép mềm nhưng vẫn giữ được màu tươi xanh hoặc tím của lá. Nước từ lá bép ngưng đọng trong lá chuối có vị ngọt và thanh mát. Đây là món ăn ưa thích của người Mạ mỗi khi làm rẫy hoặc đi rừng dài ngày.

Măng tre nửa, nhất là măng lồ ô sinh sôi, nảy nở nhiều vào mùa mưa. Người Mạ hái măng tre nửa dùng để ăn tươi, hoặc phơi khô để dành ăn dần, hoặc đem đi trao đổi, buôn bán. Thân cây lồ ô còn được dùng làm “nồi” nấu cơm lam, canh bời. Để nấu cơm lam, người Mạ cưa thân cây lồ ô thành những đoạn tương đối bằng nhau (khoảng 4-5 gang tay), cho gạo (có thể thêm một ít hạt mè) và nước vào, lấy lá chuối hoặc lá cây rừng bịt kín miệng ống, rồi đem đốt trên bếp lửa cho đến khi cơm chín. Cơm lam dẻo và thơm, thường được ăn kèm với muối mè, muối đậu và thịt thú rừng nướng.

Đọt mây cũng là thức ăn thường ngày của người Mạ. Mây ở vùng này có nhiều loại: mây cát (gòl siêng) có vị đắng, thường nấu chung với ếch đồng; mây bột (gòl pòng), mây đá (gòl lá ử), mây nước (gòl rà vút) có vị ngọt hàm với thịt hoặc nấu canh bồi, mây đòi (gòl ra sòi) có vị chát... Đọt mây nướng ăn rất ngọt và bùi.

Nấm mọc nhiều vào mùa mưa ở vùng này, vì vậy mùa mưa là mùa bẻ măng và hái nấm của người Mạ. Nấm được dùng để làm thức ăn hoặc làm thuốc bồi bổ cơ thể và trị các bệnh huyết áp. Theo kinh nghiệm dân gian của người Mạ, loại nấm nào mà sâu ăn thì ăn được như nấm mối, nấm hương, nấm mèo (mộc nhĩ), nấm linh chi... Còn loại nấm nào có màu sắc sặc sỡ hoặc phát sáng trong đêm là nấm độc. Người Mạ tìm hái nấm mèo trên thân cây gỗ mục và hái nấm linh chi với số lượng lớn mang về phơi khô để đem đi trao đổi, buôn bán.

Ngoài tìm kiếm rau rừng quanh năm và theo mùa, người Mạ còn đào khoai mài, củ chụp... để bổ sung nguồn lương thực nuôi sống gia đình và cộng đồng mỗi khi thiếu đói. Có thể nói, lá bép, măng lồ ô, đọt mây, nấm, khoai mài, củ chụp, cơm lam và canh bồi là những món ăn dân dã, đậm đà hương vị núi rừng của người Mạ. Chúng còn là những món ăn đặc sản của người Mạ dùng để đãi khách trong các dịp lễ tết của gia đình và lễ hội của cộng đồng.

Rượu cần là loại thức uống không thể thiếu trong các dịp lễ hội của người

Mạ và nhiều tộc người thiểu số khác ở Nam Tây Nguyên - Đông Nam Bộ. Người Mạ chế biến rượu cần từ gạo (nếp hoặc tẻ) nấu thành cơm, để nguội, trộn với trấu (4 phần gạo, 1 phần trấu). Sau khi trộn gạo, trấu với men, bỏ vào ghè, rồi dùng hỗn hợp đất sét, tro bếp và vỏ trấu bịt kín miệng ghè rượu, để ủ khoảng nửa tháng hoặc không quá hai tháng là sử dụng được.

Men làm rượu cần của người Mạ được lấy từ lá, vỏ, rễ một số loại cây rừng như cây *gàng*, lá cây *yiing*, lá cây *vlân* (một loại cà), lá mít, vỏ cây *ktòram*. Các loại lá, rễ, vỏ cây này được đem phơi khô, băm nhỏ, trộn với gạo tẻ đã được ngâm no nước, dùng cối giã nhuyễn và vò thành từng bánh men tròn nhỏ hơi dẹt, có đường kính khoảng 10cm. Bánh men được xoi các lỗ nhỏ ở phía trên để cho men nhanh khô phần bên trong và một lỗ nhỏ xuyên qua bánh men để đến khi men đã khô thì xâu chuỗi các bánh men lại với nhau bằng sợi mây, treo lên trong nhà, khi dùng thì mang ra ủ men. Người Mạ ủ men bằng cách lót trấu ở phía dưới, phủ một vài lớp lá cây búp và lá cây cà pháo ở phía trên. Sau khi ủ, trở men khoảng tám ngày, bánh lên men trắng thì đem phơi khô trong bảy ngày nữa, rồi cất trữ, thường là treo trên gác bếp. Men tốt là men lên nhiều sợi màu trắng, có mùi thơm hèm, ngược lại men không đủ các điều kiện trên là men xấu. Người Mạ rất tự hào về loại rượu cần của mình, đặc biệt là rượu cần của làng người Mạ ở vùng khúc

quanh cửa con sông Đạ Đờn (sông Đồng Nai), trên địa bàn huyện Đạ Tẻ, tỉnh Lâm Đồng: “ở đây là nơi mà chỉ riêng các bè đã cập vào, các bè chở bánh làm men Kaang được giữ gìn không bị thấm nước và không bị phai lạt (J. Boulbet 1997: 6).

2.2. Tri thức trong khai thác, sử dụng các loại nguyên vật liệu, được liệu từ thực vật của rừng

Người Mạ đã tích lũy được nhiều tri thức trong việc tìm kiếm, khai thác và sử dụng các loại nguyên vật liệu từ thực vật của rừng phục vụ đời sống vật chất, tinh thần và tâm linh của gia đình và cộng đồng.

Gỗ: Cây rừng ở vùng người Mạ nhìn chung rất phong phú và đa dạng về chủng loại. Người Mạ khai thác cây lấy gỗ làm nhà, làm công cụ sản xuất, dụng cụ sinh hoạt, phương tiện vận chuyển... Họ thường vào rừng đốn cây lấy gỗ (bằng rìu hoặc chà gạc) trong khoảng thời gian từ tháng 8 đến tháng 12 (âm lịch) hàng năm, vì vào thời điểm này cây chứa ít nước nên ít bị mối mọt, nứt nẻ và rỗng ruột. Người Mạ có kinh nghiệm trong việc quan sát, xác định hướng đổ của cây khi chặt, tránh cho cây đổ thẳng xuống chân núi, thân cây dễ bị xé toạc, giảm giá trị sử dụng hoặc không sử dụng được. Trước đây, rừng nguyên sinh ở vùng người Mạ có nhiều loại gỗ quý, gỗ tốt để làm nhà sàn: cây *nggir* (sao đen) thân to cao, gỗ bền chắc, ít mối mọt, dùng làm cột nhà; cây *ryoom* thân thẳng, dùng làm cột và xà ngang; cây dầu dùng làm sườn nhà; cây *b'naang*

(cây dổi) cao to được xẻ thành ván, dùng làm vách nhà. Người Mạ chọn những cây thẳng, không có dây leo đeo bám và cây còn sống (không chết khô) để làm nhà và các công trình phụ (nhà kho, chuồng trại...).

Gỗ còn được người Mạ sử dụng để làm các loại công cụ, dụng cụ cần thiết, quen dùng trong đời sống thường ngày. Cây *nggir* (sao đen) và cây *krae* (cây sầm) ngoài việc dùng làm cột nhà còn dùng làm gàu, máng, chậu, cối giã gạo, thùng trống, thanh ngang của vựa đựng lúa, cọc lều, sọt đựng trứng và nhất là làm thuyền độc mộc. Đặc biệt nhựa của cây *Nggir Lu'* (*Shorea*) được đánh giá cao trên thị trường. Đây là loại chai dùng để trét xuống rất hiệu quả; Cây *truu ddang* thân to, thẳng, tròn và cây *rting* (họ đậu) thân to lớn, dùng làm ống thổi lò rèn, chày giã gạo, máng, hòm và trống. Nhựa của cây này là một chất kết dính hoàn hảo để dán gỗ với kim loại khi làm một số vũ khí dùng để săn bắt, thân cây khi còn non, có thể dùng làm cối giã gạo hoặc làm ống thổi lò rèn; Cây *blaang sér* (cây sữa, cây mùa cua) dùng làm bàn thờ, ghé và tấm gỗ trang trí trong nhà, hay các bộ phận của cửa của cây nêu. Cây *lôo* (trắc) vỏ đỏ, gỗ rắn chắc, dùng làm cán dao, cán mác, chĩa bắt cá, cuốc, xà bát, rựa, nỏ, công cụ tước bông vải, khung dệt, khung quay sợi. Nhựa cây *kiot* (họ hồng xiêm) dùng làm keo dán các vật dụng mỏng; nhựa cây *kloong wang* (dầu nước) làm chất đốt khi đi đường hay dùng để hun khói, tạo độ rắn chắc

cho các loại công cụ, dụng cụ. Những cây thân nhỏ có đường kính khoảng ba đến bốn phân, thẳng và dài từ hai đến ba mét, được dùng làm cây chọc lỗ để tría hạt trồng lúa, bắp, các loại đậu... trên nương rẫy. Những cây non Krah ngang (*Pterospermum* sp.), thường dùng làm cột xà ngang hay cọc lều. Vỏ cây Krah Trau tạo ra được một trong những loại men tốt nhất để điều chế bia. Cây Ryôm: *Scaphium macropodum* (Sterculiacées), những cây non dùng làm cọc nhà sàn và xà ngang; Cây Rpa ou Kuo'r (*Lagerstroemia*) dùng làm mái chèo cho thuyền độc mộc; Cây Riol (*Swintonia* cf. *floribunda* Griff), cây Giê (*Ficus*) dùng làm quả chuông màu da trâu, làm khiên, đồ trang trí nghi lễ, tấm ván nhỏ phủ da hươu để chế tạo trống; Mủ của cây Kiot (*Palaquium obovatum*?) dùng để kết dính những thành phần đa dạng của một con diều (thực vật); Nhựa của cây Jar (*Antiaris toxicaria* Leschel) là một chất độc chết người được dùng trong săn bắn; Cây Rting (*Pakia*) dùng làm máng, ống gió lò rèn, cối giã gạo, quan tài; Cây Kriơng (*Eugenia*) dùng làm cột nhà sàn và xà ngang, trái cây có thể ăn được; Cây Yor (*Sapotacees: Sideroxylon*?), cung cấp những tầm yên ngựa và dao (nghề dệt); Cây Dap dùng làm cối giã gạo, quan tài, thông gió lò rèn, trống; Cây Nom krong, vỏ cây xé vụn sau đó đun sôi cho ra một hỗn hợp có màu đỏ trầm (Trôm); ngoài ra cây Lho' (*Xylia dolabriformis*), Rêyôn, Bruih là những cây được săn lùng nhiều nhất; chất gỗ tuyệt hảo và

vân gỗ rất đẹp của chúng dùng làm cung nỏ, cán dao và giáo, nhiều vật gắn hay đầu bít những vật dụng thông dụng vừa dùng để trang trí vừa tiện ích, đặc biệt trong dệt vải: răng cưa, cái xa kéo sợi, khung dệt (thăng, bàn xoa) (Boulbet 1960).

Tre nửa: Người Mạ khai thác tre nửa quanh năm, nhất là lò ô. Lò ô và mum được dùng làm nhà sàn nhờ vào tính bền, dẻo của các loại vật liệu này. Ngoài lò ô, cây *kreeng* có lóng to ngắn và đều, dùng làm vách, sàn nhà và cây *krlaa* (dạng tre cói) thân dài, dùng làm xà ngang, thang, cột nhà... Tre nửa cũng được sử dụng để cất chuồng trại, làm hàng rào, đóng giường, bàn, ghế, làm cán dao, cán rìu, cán xà bách, cán xà gạc, thang, sọt, giỏ, khung dệt thổ cẩm, cần câu cá, cần uống rượu cần, ống điếu và nhiều loại nhạc cụ như đàn tre, ống sáo, ống tiêu, khèn bầu... Sáo của người Mạ có nhiều loại: có loại sáo được làm bằng quả bầu khô và một ống tre nhỏ có khoét lỗ xuyên ngang; có loại sáo được làm bằng cuống trái bầu và ống tre có khoét ba lỗ tạo âm thanh; sáo trúc (thường gắn vào diều) làm bằng nan tre và lá chuối, khi diều bay lên cao, sáo phát ra âm thanh nhờ gió thổi.

Song mây: Cũng như tre nửa, song mây gắn bó với đời sống thường ngày của người Mạ. Người Mạ có nhiều kinh nghiệm trong việc nhận biết đặc điểm phân bố và công dụng của các loại song mây. Song mây thường sinh tụ ở những nơi cao ráo trong các khu

rừng rậm. Người Mạ, khai thác song mây khi chúng chỉ còn lá ở đọt, lá ở thân đã rụng và thân có màu đỏ nâu, hoặc vàng, hoặc trắng hoặc xanh (tức song mây đã đủ độ già, đạt chất lượng sử dụng) tùy từng loại. Song mây được dùng để cất nhà sàn, đan các loại gùi, nong, nia, rổ, giỏ... Gùi của người Mạ có nhiều loại nhỏ lớn, mỗi loại có chức năng sử dụng khác nhau. Gùi nhỏ được đeo trước bụng, từ ngang thắt lưng trở xuống để đựng đồ dùng, thức ăn hay dùng để hái rau rừng, tuốt lúa rẫy. Gùi lớn dùng làm đồ đựng tích trữ lương thực, thực phẩm hoặc khi vận chuyển lúa bắp, rau đậu, bầu bí, khoai củ, củi, nước... từ nhà lên rẫy và từ rẫy, từ rừng về nhà. Nó rất hữu dụng trong điều kiện đi lại ở miền núi chỉ nhờ vào đôi chân của con người. Gùi lớn còn được sử dụng làm đơn vị đo lường để tính sản lượng lúa rẫy đã thu hoạch. Ngoài song mây, người Mạ còn khai thác, sử dụng sợi lùn (một loại cói lác) mọc nhiều ở vùng đầm lầy để đan chiếu, đan đệm lót lưng khi mang gùi, hoặc lót mông khi ngồi và đan sọt để đựng cơm khi đi rẫy, đi rừng. Sợi lùn được chọn thường phải có thân to, dài từ 1,4 - 2m, vỏ không bị sâu bệnh và không có vết thương mới có thể vót thành nan đan.

Cây nhuộm sợi: Người Mạ ở vùng lưu vực tả ngạn sông Đạ Đơn nổi tiếng với nghề dệt thổ cẩm và kỹ thuật pha chế màu nhuộm bằng lá, vỏ, hạt và củ của các loại cây rừng (Phan Ngọc Chiến - Phan Xuân Biên 1983: 228). Lá cây *trum* vò nát, ngâm với nước và

trộn lá bơ mướt, bơ lát hay xồm lom hoặc một ít vôi làm chất xúc tác cho màu nhuộm lâu phai để nhuộm màu chàm (xanh đen). Vỏ cây *phặng* băm nhỏ, đun sôi cho ra màu vàng và nhuộm sợi ba lần để màu nhuộm lâu phai. Lá *kép* non, giã nhỏ, đun sôi, hoặc củ nghệ già, giã lấy nước, đun sôi để nhuộm sợi màu vàng nhạt. Hạt *mắc sét* đem đun sôi có màu vàng cam, nhuộm sợi hai lần rồi giặt qua nước ruột bí xanh để cho sợi có màu cam bóng loáng. Lá cánh kiến giã nhuyễn, lọc lấy nước và ngâm sợi để nhuộm màu đỏ.

Cây dược liệu: Người Mạ có nhiều tri thức về y học dân gian trong việc tìm kiếm, sử dụng các loại lá, rễ... của cây rừng làm dược liệu để chữa trị các bệnh cảm cúm, sốt rét, đau bụng, kiết lỵ, đau lưng, đau gan, phù thũng, vàng mắt, vàng da, đau mắt đỏ, ngứa, ghê lở, cảm máu, trị các vết cắn, vết thương, bồi bổ cơ thể, lưu thông khí huyết và tăng cường sinh lực.

Lá của cây sả, cây *đốt*, cây *blời*, cây *sur ninh*, cây lò ô, cây ôi và dây *dâng priêng* (có mùi thơm) đem nấu nước xông để trị cảm cúm. Cây kim luân, lá dây *ngai công* hoặc đọt mây ềi nướng ăn với muối ớt trị sốt rét. Cây tam lang trị đau bụng, kiết lỵ. Loại mây *tằng rả* dùng xử giun sán. Củ *jải còi* (củ cừng) trị đau lưng, đau bụng. Củ mướp gai, cây chó đẻ, thân đỗ trọng, cây ké hoa đào, thân dây chiều, thân, rễ cây lấu tuyến, thân cây táo, vỏ cây quỳnh lam, thân dây huyết rồng, ngâm với rượu gạo trị các bệnh gan, phù

thũng, chướng bụng, khó tiêu, vàng mắt, vàng da, giảm đau nhức, kích thích tiêu hóa. Hoa của loại mây *pru vong* trị bệnh đau mắt đỏ. Cây *lung lang* giã nhuyễn trị ngứa ngoài da. Cây *ráy* thân to nấu nước tắm trị ngứa, sởi, ban cho trẻ con. Vỏ và rễ của loại cây giống như thuốc đở được đập dập để cầm máu vết thương. Lá và rễ cây chằng ba (ba gác) được vò nát (lá) và đập dập (rễ) để thoa lên chân chống vắt cắn và nấu nước tắm trị ghẻ lở. Trị rét cần dùng dây *tai rết* đập dập, đắp vào vết thương.

Rễ cây phát dụ bầu dục, thân cây táo, thân đỗ trọng, cây ngải nơ, sớng trắng nhiều lá, mây song bột, huyết rồng, cù đèn đem ngâm với rượu gạo để uống bồi bổ cơ thể, tăng cường sức khỏe, kích thích tiêu hóa, giảm đau nhức; giúp bổ máu, lưu thông khí huyết, kích thích ăn uống. Thân và rễ cây lấu tuyến, cây côm nguội, cây trắng ngực, cây sông thao, cây bân, cây dẻ lạng sắc lấy nước cho sản phụ uống để tăng cường sức đề kháng, giúp dạ con co bóp tốt. Dây móc câu nấu nước tắm có tác dụng giữ ấm cơ thể phụ nữ sau khi sinh.

Củi là nguồn chất đốt chủ yếu của người Mạ. Người Mạ vào rừng lấy củi thường xuyên quanh năm, đặc biệt là trong thời gian nhàn rỗi. Công việc này thường do phụ nữ và trẻ em đảm nhận. Họ đem về những cây, cành khô gãy đổ hoặc những cây, cành bỏ lại sau khi phát, đốt rẫy, đốn gỗ, để đun nấu thức ăn và sưởi ấm. Hầu hết các loại cây ở vùng người Mạ đều có

thể làm củi. Riêng cây *jrii* được coi là cây thiêng, được người Mạ kính trọng và tôn thờ nên họ không khai thác loại cây này.

2.3. Tri thức trong săn bắt thú chim, đánh bắt cá

Sống gần bó lâu nay với núi rừng, cho nên ngoài canh tác nương rẫy, hái lượm rau củ, hoa trái của rừng, người Mạ còn săn bắt thú chim và đánh bắt cá để bổ sung nguồn thực phẩm thịt và cá vào cơ cấu bữa ăn hàng ngày của họ. Đồng thời săn bắt cũng là một cách để bảo vệ mùa màng, ngăn chặn thú chim phá hoại các loại cây trồng trên nương rẫy.

Săn bắt thú chim: Người Mạ tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong việc nhận biết tập tính về nơi kiếm ăn, nơi uống nước, nơi ngủ và mùa sinh sản của các loài động vật rừng. Họ dùng ná, cung tên có tẩm thuốc độc để bắn thú chim, nhất là đối với các loại thú thường sinh sống ở trên cây; dùng bẫy tròng chân, bẫy tròng cổ, bẫy kẹp để bắt thú rừng nhỏ như nai, mễnh, cheo, nhím, rắn, sóc, chuột, chim; và đào hố, cắm chông để bắt những con thú lớn như heo rừng, trâu rừng, bò rừng... Săn bắt thú rừng là công việc của người đàn ông và được thực hiện theo từng cá nhân hoặc tập thể. Trước đây, các cuộc đi săn tập thể của người Mạ thường kéo dài từ hai đến ba ngày trong rừng. Thịt thú rừng săn bắt được sẽ đem chia đều cho các thành viên trong cộng đồng. Người Mạ có tục lưu giữ xương hàm của thú để làm lễ vật khấn trình với

thần linh trước khi đi săn nhằm cầu xin bình an và thuận lợi trong săn bắt.

Đánh bắt cá: Ở miền núi Nam Tây Nguyên - Đông Nam Bộ có nhiều sông suối và những vùng ngập nước, đặc biệt là ở hệ thống sông Đồng Nai và các chi nhánh của chúng. Có thể nói thiên nhiên khá thuận lợi cho người Mạ đánh bắt cá. Họ thường dùng vó, lợp, đó, chia có mấu sắt... để đánh bắt cá ở các sông suối vào mùa mưa; dùng rỏ để bắt cá ở các bàu nước; và dùng vỏ cây vàng nghệ đã đâm nhuyễn, bỏ xuống suối. Cá bị say bởi loại vỏ cây này, không bơi nhanh được, họ sẽ dùng lao để đâm cá. Việc suốt cá này được thực hiện ở các con suối nhỏ vào mùa khô.

3. TRI THỨC ĐỊA PHƯƠNG CỦA NGƯỜI MẠ TRONG BẢO VỆ TÀI NGUYÊN RỪNG VÀ NGUỒN NƯỚC

Sống với rừng và nhờ vào rừng để sinh tồn từ bao đời nay nên người Mạ luôn có ý thức trong việc bảo vệ tài nguyên rừng và nguồn nước ở vùng này.

3.1. Tri thức địa phương của người Mạ trong bảo vệ tài nguyên rừng

Trong thiết chế tự quản cộng đồng của buôn làng, luật tục Mạ quy định rất cụ thể đối với từng loại rừng được phép hoặc không được phép khai thác, sử dụng cho săn bắt, hái lượm, canh tác nương rẫy và chăn nuôi:

“Rừng của Yaang, này người, chú ý đến phạm tội

Rừng của các Krong, này người, chú ý đến phạm tội

Rừng có thể dùng, này người, người được tự do” (Boulbet 1997).

Cuộc sống của người Mạ từ xa xưa đã gắn bó với rừng. Dưới tán rừng, nước bốc hơi từ các tầng đất mặt bị chậm lại. Đất giữ ẩm, tầng thực vật và thảm mục lưu giữ một lượng nước mưa lớn để cung cấp cho cây và bổ sung cho các mạch nước ngầm, khiến hạn hán không xảy ra khi trời không mưa, hoặc khi có mưa không sinh ra lũ to. Chính vì vậy người Mạ rất chú trọng tới việc bảo vệ rừng, đặc biệt là khu rừng *Yang*, rừng nguyên sinh ở vị trí đầu nguồn sông hoặc đầu nguồn suối.

Theo người Mạ, khu rừng này chỉ dành riêng cho thần linh (*Yang*) trú ngụ và ngự trị. Mỗi buôn làng của người Mạ đều có một khu rừng *Yang* và họ tổ chức lễ cúng thần rừng rất long trọng hàng năm, hoặc tổ chức lễ rước thần rừng mỗi khi diễn ra lễ hội hiến sinh (đâm trâu) của cộng đồng. Luật tục Mạ nghiêm cấm mọi thành viên của buôn làng xâm hại khu rừng thiêng này dưới bất kỳ hình thức nào, đặc biệt là không được chặt cây lấy gỗ, săn bắt, hái lượm, chăn thả gia súc... làm tổn hại rừng và kinh động đến thần linh. Nếu người nào đó vi phạm những điều cấm kỵ ấy thì ngoài việc bị thần linh quở phạt (bị bệnh tật, đau ốm, chết thảm), sẽ còn bị xử phạt với những lễ vật tương xứng kèm theo để tạ tội với thần linh. Người phạm tội nặng như chặt cây to, cổ thụ, đi săn thú nhiều lần ở rừng *Yang* thì phải cúng trâu (kèm theo là heo, dê, gà, vịt

và rượu cần). Người phạm tội nhẹ như chặt những cây nhỏ, hái rau hay xả rác bừa bãi ở rừng *Yang* thì phải cúng heo (kèm theo là dê, gà, vịt, rượu cần). Lễ cúng được tổ chức tại nhà già làng và tại nơi bị xâm phạm trong khu rừng thiêng này. Người phạm tội phải có mặt trong lễ cúng và sau khi trình bày vật hiến tế, già làng đọc lời khẩn cầu xin thần linh đừng quở phạt vì người vi phạm đã biết ăn năn, hối lỗi và dâng cúng lễ vật để tạ tội.

Rừng *Krong* của người Mạ là khu vực rừng nguyên sinh trên một đỉnh núi cụ thể nào đó có đặc điểm riêng mà người Mạ tin là nơi ngự trị của thần núi - thần cai quản xứ sở (buôn làng). Thực chất có thể do rừng ở các khu vực này rất quan trọng trong việc giữ đất và giữ ẩm cho đất. Người Mạ cũng nghiêm cấm xâm hại rừng này, nếu xâm hại sẽ bị thần núi “trừng phạt”. Tương tự như rừng *Yang*, người Mạ tổ chức lễ cúng rừng *Krong* hàng năm để tạ ơn thần linh và cấm dân làng chặt phá khu rừng thiêng này. Người nào vi phạm sẽ bị thần linh quở phạt và hình thức xử phạt cũng như đối với người đã xâm hại rừng *Yang*.

Rừng *Buuc* của người Mạ là khu vực rừng dùng làm nghĩa địa chôn người chết theo phong tục của họ. Khu rừng này thường có nhiều cây to, cổ thụ và nằm cách xa nơi cư trú. Tương tự như rừng *Yang* và rừng *Krong*, người Mạ không được săn bắt, hái lượm, khai thác cây lấy gỗ và chăn thả gia súc ở khu rừng này. Nếu

người nào đó vi phạm cũng sẽ bị thần linh quở phạt (bị bệnh tật, bị tâm thần) và cũng bị xử phạt theo phong tục và luật tục.

Rừng *Rlau Goe* của người Mạ là khu vực rừng nằm liền kề với rừng *Yang*. Thường thì rừng *Yang* ở phía trên những dãy núi cao và rừng *Glau Goe* ở dưới những dãy núi này. Đối với rừng *Glau Goe*, các thành viên trong buôn làng của người Mạ được phép tiến hành các hoạt động săn bắt thú chim, đánh bắt cá, hái lượm rau rừng, khai thác cây lấy gỗ, làm củi, làm các loại công cụ, dụng cụ, nguyên vật liệu cần thiết, trong sản xuất và sinh hoạt thường ngày. Tuy nhiên, khi săn bắt và hái lượm ở khu rừng này, người Mạ cũng quy định không được bắt thú có thai, cá có trứng và chặt cây con làm củi, nhằm bảo đảm sự sinh trưởng tiếp tục các loài động thực vật.

Rừng *Sar* của người Mạ là khu vực rừng được dùng để canh tác nương rẫy, trồng lúa và hoa màu. Phương thức canh tác nương rẫy cổ truyền của người Mạ là luân khoảnh khép kín hoặc hươ canh, với thời gian bỏ hóa đất rẫy khá dài từ 15 đến 30 năm, tùy mật độ dân số từng nơi. Thời gian bỏ hóa đất rẫy khá dài như vậy đủ để cho cây rừng tái sinh, đất rừng hồi sinh (không bị xói mòn, bạc màu) và tạo lại độ phì cần thiết cho đất nương rẫy.

3.2. Tri thức địa phương của người Mạ trong việc bảo vệ nguồn nước

Sông, suối, bàu, hồ phân bố trên địa bàn Nam Tây Nguyên - Đông Nam Bộ có vai trò rất quan trọng trong đời

sống vật chất, tinh thần và tâm linh của người Mạ cũng như các cộng đồng tộc người thiểu số tại chỗ ở vùng này. Chúng cung cấp nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp, cho nguồn tôm cá... để đánh bắt, và đặc biệt là cho nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của họ. Người Mạ quan niệm nguồn nước của cộng đồng do *Yang Đạ* (thần Nước) cai quản. Hàng năm, già làng thay mặt buôn làng chọn một bến nước ở đầu nguồn sông suối để làm lễ cúng tạ ơn thần. Lễ vật cúng thần nước gồm có vịt, gà, heo. Người Mạ làm thịt vịt, gà, lấy huyết và gan của chúng thả trôi theo dòng nước, nhằm cầu mong cho sông, suối quanh năm có nhiều nước và có nhiều cá tôm.

Luật tục người Mạ quy định rất nghiêm ngặt về việc sử dụng nguồn nước. Ở mỗi buôn làng, khu vực lấy nước sử dụng cho nhu cầu ăn uống thường ngày của họ là ở đầu nguồn nước của những con sông, khe suối. Còn ở cuối nguồn mới dành cho việc tắm rửa, giặt giũ... Các thành viên trong cộng đồng buôn làng, đặc biệt là phụ nữ mới sinh con không được tắm rửa, giặt giũ ở đầu nguồn nước, vì như thế sẽ làm ô uế và nhiễm bẩn nguồn nước. Việc săn bắt thú chim và đánh bắt cá (suốt cá) có sử dụng thuốc độc, thuốc mê cũng phải tiến hành ở những nơi không làm ảnh hưởng đến nguồn nước của buôn làng. Nếu có người vi phạm thì cả làng phải làm lễ cúng và dâng lễ vật để tạ tội với thần nước.

4. KẾT LUẬN

Trải qua quá trình ứng xử và thích nghi với núi rừng ở miền núi Nam Tây Nguyên - Đông Nam Bộ, người Mạ đã tích lũy được nhiều tri thức, kinh nghiệm trong hái lượm, săn bắt, khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên rừng và nguồn nước. Những tri thức địa phương này được truyền miệng từ đời này sang đời khác và được đúc kết thành luật tục trong thiết chế tự quản cộng đồng của buôn làng.

Người Mạ cũng như các tộc người thiểu số tại chỗ khác ở miền núi Nam Tây Nguyên - Đông Nam Bộ lâu nay phân định rất rõ ràng, cụ thể về không gian sinh tồn tự nhiên của buôn làng, bao gồm: (1) Khu vực rừng thiêng - rừng cấm không được xâm hại là những khu rừng tự nhiên ở đầu nguồn nước chỉ dành riêng cho thần linh (rừng *Yang*), thần cai quản xứ sở (rừng *Krong*) và khu rừng dùng làm nghĩa địa mai táng người chết (rừng *Buuc*); (2) Khu vực rừng tự nhiên dành cho hái lượm, săn bắt (rừng *Rlau Goe*); (3) khu vực rừng sản xuất dành cho canh tác nương rẫy (rừng *Sar*) và (4) khu vực cư trú dùng để xây cất nhà ở, nhà kho, nhà mồ, bến nước...

Với sự qui định và sự điều chỉnh của luật tục về không gian sinh tồn tự nhiên của buôn làng như trên đây, cộng đồng người Mạ đã từng khai thác, sử dụng hợp lý và bảo vệ nghiêm ngặt các nguồn tài nguyên rừng, đặc biệt là rừng nguyên sinh ở đầu nguồn nước, giữ gìn sự cân bằng hệ sinh thái và tính đa dạng sinh học của núi rừng. Những tri thức địa

phương trong ứng xử và thích nghi để hướng tới phát triển bền vững
 linh hoạt với núi rừng này cần được vùng người Mạ ở miền núi Nam Tây
 sưu tầm, nghiên cứu và truyền dạy lại Nguyên - Đông Nam Bộ. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Boulbet. 1960. Description de la végétation en pays Ma', Bulletin De La Société Des Études Indochinoises, Nouvelle Série – Tome XXXV.
2. Boulbet. 1997. *Xứ người Mạ, lãnh thổ của thần linh*. Bản dịch Đỗ Văn Anh. Đồng Nai: Nxb. Đồng Nai.
3. Bùi Hoài Sơn. 2009. “Tri thức bản địa – những bước thăng trầm”, trong Nhiều tác giả, *Tri thức bản địa và văn hóa sinh thái*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
4. Ngô Văn Lệ. 2012. “Nghiên cứu tri thức bản địa của các tộc người thiểu số ở Tây Nguyên và Nam Bộ: Một số vấn đề đặt ra”. *Tạp chí Dân tộc học*, số 4 .
5. Ngô Văn Lệ-Huỳnh Ngọc Thu-Ngô Thị Phương Lan (đồng chủ biên). 2016. *Tri thức bản địa của các tộc người thiểu số ở Đông Nam Bộ*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.
6. Nguyễn Thu Hà. 2009. “Tri thức bản địa – những bước thăng trầm”, trong Nhiều tác giả, *Tri thức bản địa và văn hóa sinh thái*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
7. Nguyễn Xuân Hồng. 2003. “Tri thức bản địa trong canh tác nương rẫy của các dân tộc thiểu số ở xã Hồng Hạ, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế”. *Tạp chí Dân tộc học*, số 2.
8. Pam McElwee. 2010. “Việt Nam có “tri thức bản địa” không”, trong: *Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học*. TPHCM: Nxb. Đại học Quốc gia TPHCM.
9. Phan Ngọc Chiến - Phan Xuân Biên. 1983. “Người Mạ”, trong Mạc Đường (chủ biên), *Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng*. Sở Văn hóa tỉnh Lâm Đồng xuất bản.
10. Trần Hồng Hạnh. 2005. “Tri thức địa phương – sự tiếp cận lý thuyết”. *Tạp chí Dân tộc học*, số 1.